

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngàyTháng....năm 2019

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO ĐIỂM THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI MÃ NGÀNH (7760101)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVUT	Điểm ĐTUT
1	06000897	LƯƠNG THỊ BIÊN	21/01/2000	NỮ	1	C00	0.75	2
2	17008909	ĐINH VŨ THUY LINH	18/02/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
3	07001752	LÙ THỊ THẨM	01/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
4	08004641	THẢO THỊ MAI	16/02/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
5	08000706	VƯƠNG XUÂN THẢO	12/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
6	05004768	LÈNG THỊ THANH VỆ	01/03/2001	NỮ	5	C00	0.75	2
7	62003001	VÀNG THỊ SĨ	26/08/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
8	07003188	LÝ ME TẮM	07/09/2000	NỮ	1	C00	0.75	2
9	07002836	LÙ THỊ HỒNG	06/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
10	08002311	HOÀNG THỊ HÀ	06/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
11	23003071	BÙI TUẤN ANH	19/11/2001	NAM	2	C00	0.75	2
12	08004195	MA THỊ SÁNG	02/04/2000	NỮ	2	C00	0.75	2
13	08004598	TRÁNG THỊ CƯỜI	01/02/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
14	12000579	VÀNG XO ME	15/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVUT	Điểm ĐTU'T
15	62003946	LÒ THỊ LÃ	01/12/2000	NỮ	2	C00	0.75	2
16	62004885	POÔNG THỊ LÊ	06/12/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
17	09004458	LÊ THANH CHÚC	17/04/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
18	01046734	LA THỊ NĂM	07/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
19	05003015	LÝ THỊ KIM DUNG	19/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
20	06002173	MẠC THỊ LOAN	20/02/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
21	07000729	LÙ THỊ THÍM	08/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
22	14008902	BÙI THỊ THU HUYỀN	21/12/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
23	01046250	PHÙN THỊ THANH	25/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
24	10006138	NGUYỄN THỊ HIỀN	12/11/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
25	14009345	NGÔ THÚY HIỀN	13/10/2000	NỮ	1	C00	0.75	0
26	38004537	NGUYỄN THỊ THU THẢO	10/05/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
27	62001856	CÀ THỊ NGỌC ANH	18/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
28	01001252	ĐỖ THU HUYỀN	28/08/2001	NỮ	1	C00	0.00	0
29	06003823	NGUYỄN THỊ NHƯ	04/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
30	07002035	PỜ CHÙY MÉ	06/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
31	16001675	NGUYỄN THỊ HOÀI	27/02/2001	NỮ	1	C00	0.25	0
32	26013619	NGUYỄN THU THỦY	03/03/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
33	27008966	LÊ THỊ HỒNG VÂN	02/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
34	62003507	LY THỊ CÔNG	09/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVUT	Điểm ĐTU'T
35	16008262	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	07/09/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
36	01023875	HUỖNH THỊ THU GIANG	26/10/2001	NỮ	4	D01	0.00	0
37	07003219	LỀNG THỊ THƯỞNG	07/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
38	10003804	BẾ HỒNG THẮM	29/08/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
39	26004402	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	22/11/2000	NỮ	1	C00	0.50	0
40	05004703	LÝ THỊ QUYẾT	16/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
41	09001609	MAI THỦY NGÂN	06/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
42	14001474	SÔNG THỊ LÌA	26/05/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
43	23000231	ĐÀO NGỌC LINH	01/02/2001	NỮ	4	C00	0.75	0
44	30001531	LÊ THỊ KIM CHI	10/03/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
45	01022329	HOÀNG THU HƯƠNG	28/08/2001	NỮ	1	D01	0.00	0
46	01000289	TRẦN MINH ANH	10/02/2001	NỮ	1	D01	0.00	0
47	05004954	THÈN THỊ PHUI	17/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
48	05004991	VƯƠNG THỊ THÊM	19/01/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
49	07003172	MÀO THỊ SEN	20/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
50	24007792	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	15/02/2001	NỮ	4	C00	0.50	0
51	62003776	LÒ THỊ THÀNH	02/03/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
52	01007952	HUỖNH MỸ NHẬT GIANG	07/04/2001	NỮ	2	C00	0.00	0
53	01018648	PHẠM THỊ HỒNG NGÀ	14/02/2001	NỮ	2	C00	0.00	0
54	02040550	ĐOÀN PHƯƠNG ANH	24/08/2001	NỮ	4	C00	0.00	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVUT	Điểm ĐTU'T
55	38004505	NGUYỄN THỊ NHƯ' QUỲNH	01/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
56	62003734	LƯƠNG THỊ QUÂN	22/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
57	01004399	NGUYỄN HOÀNG MAI CHI	01/10/2001	NỮ	1	C00	0.00	0
58	01050766	LƯƠNG THU HOÀI	08/03/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
59	05001286	ĐỖ THU TRANG	20/10/2001	NỮ	4	C00	0.75	2
60	10005680	HOÀNG THỊ HƯỜNG	11/08/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
61	62003568	LÒ THỊ HẢI	12/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
62	62004641	SÙNG THỊ PÀNG	25/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
63	19005110	LÊ THỊ THỦY NGUYÊN	02/06/2001	NỮ	1	D01	0.25	0
64	10001587	HỒ THỊ THẢO	14/07/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
65	26007774	PHẠM THỊ THOAN	17/09/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
66	28006537	VI THỊ THÙY DUNG	14/04/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
67	29012719	NGUYỄN THỊ LAN	24/11/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
68	31009664	VỖ THỊ HƯỜNG	09/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
69	01040129	TÔNG THỊ NGỌC ANH	26/10/2001	NỮ	5	C00	0.75	2
70	01041367	ĐINH THỊ MAI LOAN	09/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
71	32006665	HOÀNG HỮU NGHĨA	06/01/2001	NAM	1	C00	0.25	0
72	01043771	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	10/09/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
73	01048425	QUÁCH THÚY HÒA	13/03/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
74	06003332	NÔNG THỊ OANH	04/10/2001	NỮ	1	C00	0.75	2

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVUT	Điểm ĐTU'T
75	08004710	LÙ THỊ VÂN	20/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
76	12000796	VI THỊ HUYỀN TRANG	11/02/2001	NỮ	4	C00	0.75	2
77	32004677	HỒ THỊ SEN	15/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
78	01019120	NGUYỄN HÀ ANH	19/01/2001	NỮ	4	C00	0.00	0
79	06001042	NGÔ THỊ DỤ	01/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
80	10006021	DƯƠNG THỊ CHANH	10/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
81	10007882	HÀ THỊ LỆ	06/09/2000	NỮ	4	C00	0.75	2
82	12000580	LY PÓ MÉ	20/11/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
83	23001326	SÙNG THỊ MINH THƯ	26/10/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
84	26013574	NGUYỄN PHƯƠNG THÁI	03/03/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
85	26013628	NGUYỄN THỊ HỒNG THƯỜNG	26/12/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
86	62001923	ĐỒNG THỊ HẬU	16/10/2001	NỮ	3	C00	0.75	0
87	05004970	GIÀNG THỊ SINH	28/09/2001	NỮ	3	C00	0.75	2
88	06001861	NÔNG THỊ NGỌC ÁNH	28/12/2000	NỮ	1	C00	0.75	2
89	11002196	NÔNG THỊ HƯƠNG TRÀ	06/05/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
90	14001381	MÙA THỊ CA	27/09/2000	NỮ	4	C00	0.75	2
91	30011411	HOÀNG THỊ MINH	03/03/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
92	32006420	TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	20/03/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
93	01021498	HÀ THU TRANG	02/10/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
94	01007233	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	22/02/2001	NỮ	7	C00	0.00	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVUT	Điểm ĐTU'T
95	05004919	GIÀNG THỊ LÚA	06/02/2001	NỮ	1	C00	0.75	2
96	09000076	HOÀNG THANH HUYỀN	28/12/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
97	16008334	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	16/01/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
98	25007242	VŨ THỊ LAN	20/01/2001	NỮ	2	C00	0.50	0
99	26013858	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	12/11/2001	NỮ	3	C00	0.50	0
100	01059947	BÙI THỊ HẠNH	21/11/2001	NỮ	1	A01	0.25	0
101	01039947	LIÊU THANH THẢO	28/08/2001	NỮ	7	C00	0.00	0
102	08004381	LÙ Ỡ HON	07/06/2001	NAM	1	C00	0.75	2
103	05001687	DƯƠNG THỊ THANH HẰNG	19/04/2001	NỮ	1	D01	0.75	2
104	10006130	DƯƠNG THỊ HẰNG	07/02/2001	NỮ	2	D01	0.75	2
105	06000647	NGUYỄN DIỆU THỦY	21/07/2001	NỮ	2	C00	0.75	2
106	01005303	NGUYỄN THỊ HÀ HUỆ	16/10/2001	NỮ	4	D01	0.00	0
107	19013406	ĐẶNG THỊ THU HƯỞNG	07/04/2001	NỮ	1	D01	0.50	0
108	01033351	ĐOÀN TUẤN ANH	07/04/2001	NAM	1	C00	0.25	0
109	01036033	ĐÀM THỊ MẾN	25/10/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
110	03009424	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	28/07/2001	NỮ	3	C00	0.00	0
111	17004079	LIÊU HÔNG DIỆP	02/12/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
112	32006938	NGUYỄN THÁI	11/04/2000	NAM	1	C00	0.25	0
113	01009387	PHẠM THỊ HỒNG THÚY	13/10/2001	NỮ	2	D01	0.00	0
114	07001960	NGUYỄN THỊ HUỆ	26/06/2001	NỮ	1	C00	0.75	0

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Thứ tự NV	Mã tổ hợp	Điểm KVUT	Điểm ĐTUT
115	08004586	THÀO CHÀ	12/05/2001	NỮ	1	D01	0.75	2
116	24007608	TRẦN THỊ VÂN ANH	27/10/2001	NỮ	1	C00	0.50	0
117	23002315	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	04/08/2001	NỮ	2	C00	0.75	0
118	32006613	LÊ THỊ THÙY LINH	16/03/2001	NỮ	3	C00	0.25	0
119	28024274	LÊ THỊ THÙY DUNG	07/05/2001	NỮ	1	C00	0.75	0
120	01039137	NGUYỄN KHÁNH LINH	16/10/2001	NỮ	2	C00	0.00	0
121	01061850	NGUYỄN THỊ THÚY HÀ	07/04/2001	NỮ	2	C00	0.25	0
122	14000523	PHẠM THANH THẢO	07/11/2000	NỮ	1	C00	0.75	0
123	01042718	ĐỖ THỊ HOÀNG GIANG	31/07/2000	NỮ	3	C00	0.25	0

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

TS. Trần Quang Tiến

